

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 393/2023/DS-PT

Ngày : 16 - 8- 2023

V/v: “*Tranh chấp thừa kế*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Chí Anh;

Ông Phí Thành Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thẩm tra viên TAND Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSNDTP. Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan- Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2023, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147 ngày 17/4/2023 về việc “Chia thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DSST ngày 01/3/2023 của TAND huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2023/QĐXX - PT và các Thông báo mở lại phiên tòa của TAND Thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đào Văn Thắng, sinh năm 1950. Trú tại: Nhà số 02 ngách 1 ngõ đường Ngang, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt;

1.2. Anh Đào Văn Vĩnh, sinh năm 1964. Trú tại: Nhà số 64, ngõ Khoé, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt;

1.3. Anh Đào Văn Quang, sinh năm 1968. Trú tại: Nhà số 11, ngách 1, ngõ đường Ngang, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt. *Đại diện theo ủy quyền của anh Quang là anh Đào Văn Vĩnh. Có mặt.*

1.4. Anh Đào Công Hiệp, sinh năm 1981. Trú tại: Nhà số 33, ngõ Khoé, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt. *Đại diện theo ủy quyền của anh Hiệp là anh Đào Văn Sỹ. Có mặt.*

1.5. Anh Đào Văn Sỹ, sinh năm 1985. Trú tại: Nhà số 4, ngách 1, ngõ đường Ngang, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Thị Hà – Văn phòng luật sư Hoàn Kiếm, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng Quang, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 3, ngách 01, xóm Brou, thôn Vĩ, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Quang: Luật sư Nguyễn Văn Thắng, Văn phòng luật sư Hoàng Danh, địa chỉ: Nhà Hội họp Nam Thăng Long, ngõ 126 Khuất Duy Tiến, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lương, sinh năm 1958. Trú tại: Xóm Chợ, thôn Đồng, xóm Đoàn Kết, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội (*Vợ của ông Đăng*). Có mặt.

3.2. Chị Đào Thị Minh, sinh năm 1978. Trú tại: Số nhà 27, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội (*Con đẻ của ông Đăng*). Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lương, chị Minh là anh Đào Văn Sỹ. Có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Mậu, sinh năm 1934. Trú tại: Xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội (*Vợ của ông Vân*). Vắng mặt.

3.4. Chị Đào Thị Yên, sinh năm 1955. Trú tại: Số nhà 102, thôn Đồng, xóm Đoàn Kết, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội. (*Con đẻ của ông Vân*). Có mặt.

3.5. Chị Đào Thị An, sinh năm 1960. Trú tại: Số nhà 15 ngõ Côn, ngách 9, thôn Đồng, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội (*Con đẻ của ông Vân*). Có mặt.

3.6. Chị Đào Thị Hoan, sinh năm 1962. Trú tại: Số nhà 16 ngách 7 ngõ Đậu, thôn Vĩ, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội (*Con đẻ của ông Vân*). Có mặt.

3.7. Chị Đào Thị Vinh, sinh năm 1973. Trú tại: số nhà 1, ngách 24 ngõ mới, tổ 15, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, Hà Nội. (*Con đẻ của ông Vân*). Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Mậu; các chị: Yên, An, Hoan, Vinh là anh Đào Văn Sỹ. Có mặt.

3.8. Bà Nguyễn Thị Chuối, sinh năm 1935 (*vợ ông Điều*).

3.9. Chị Nguyễn Thị Khiển, sinh năm 1970 (*con ông Điều- bà Chuối*).

3.10. Chị Đỗ Thị Thuý, sinh năm 1976 (*vợ anh Quang*).

Đều trú tại: Nhà số 03 ngách 1, xóm Bươu, thôn Vĩ, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Vắng mặt bà Chuối, chị Khiển. Có mặt chị Thuý.

3.11. Chị Nguyễn Thị Tuế, sinh năm 1966. Trú tại: Số nhà 39, xóm Chợ, thôn Đồng, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội (*con ông Điều- bà Chuối*). Có mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Ông Đào Văn Thắng; các anh Đào Văn Vĩnh, Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp, Đào Văn Sỹ là nguyên đơn. Có mặt.

4.2. Anh Nguyễn Đăng Quang là bị đơn. Có mặt.

4.3. Chị Đỗ Thị Thuý là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, tại cấp sơ thẩm:

1. Nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Vy (Vi) có chồng là ông Đỗ Văn Nhượng (là liệt sỹ năm 1967); khi ông Nhượng còn sống thì bà Vy và ông Nhượng sống cùng với bố mẹ chồng (không có tài sản riêng); không có con đẻ, con nuôi. Bố đẻ là cụ Đào Văn Lân (chết năm 1973) và

mẹ đẻ là cụ Đình Thị Mịch (*chết năm 1985*); Cụ Lân và cụ Mịch có 04 người con đẻ (*anh em ruột của bà Vi*) gồm:

- Ông Đào Văn Vân, chết năm 2018; có vợ là bà Mậu, ông Vân và bà Mậu có 06 người con gồm các chị: Yên, An, Hoan, Vinh và các anh Vĩnh, Quang.
- Bà Đào Thị Vy (Vi), sinh năm 1943 (*chết ngày 30 tháng 9 năm 2014*).
- Ông Đào Công Đăng, chết năm 2021; có vợ là bà Lượng; ông Đăng và bà Lượng có 03 người con là Đào Thị Minh, Đào Công Hiệp và Đào Văn Sỹ.
- Ông Đào Văn Thắng.

Bà Vy có khối tài sản gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12, diện tích 271m² và tài sản là nhà và các công trình, cây trồng trên đất (*Sau đây viết tắt là nhà, đất thửa đất số 219*), tại thôn Đồng, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số U 040528*) do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 cho hộ bà Đào Thị Vy (Vi).

Nguồn gốc đất là do bà Vy mua thửa đất vườn của cụ Đan - cụ Thắng tại thôn Đồng Vỹ, diện tích một sào tại ven cơ đê (*Có giấy xin bán vườn có xác nhận của hợp tác xã và UBHC xã Cao Viên năm 1974*) đã xây dựng nhà cấp 4. Do Nhà nước thu hồi đất để làm cơ đê và đổi diện tích đất bà Vy đã mua bằng thửa đất số 219 hiện nay, bà Vi chuyển dời nhà cũ ở cơ đê về để làm nhà cấp bốn trong thửa đất 219.

Do chồng bà Vy là liệt sỹ từ năm 1967, ông Điều (*đã có vợ là bà Chuối và 03 con*) đến chung sống với bà Vy nhưng không có đăng ký kết hôn (*đã bị UBND xã xử lý*). Bà Vy và ông Điều không có con chung; Ông Điều đón anh Quang (*con ông Điều- bà Chuối*) đến ở chung với ông, bà Vy không nhận anh Quang là con nuôi.

Năm 2014 bà Vy chết, 03 anh em ông Thắng, Vân và Đăng cùng anh em họ hàng tổ chức tang lễ cho bà Vy. Ông Điều có tham gia tổ chức tang lễ, sau đó ông Điều tiếp tục ở lại nhà đất của bà Vy. Năm 2015 ông Điều chết, anh Quang tiếp tục chiếm giữ nhà đất của bà Vy để làm xưởng mộc. Năm 2021 gia đình nguyên đơn tổ chức bốc mộ cho bà Vy nhưng trước đó 2 ngày, anh Quang đã dùng máy xúc mức quan tài của bà Vy mang đi, gia đình đã trình báo UBND xã Cao Viên mới tìm thấy quan tài của bà Vy mang về để chôn cất tại nghĩa trang.

Theo các nguyên đơn:

Bà Vy chết không để lại di chúc, nhà đất của bà Vy có sau khi ông Nhượng chết nên không liên quan đến gia đình ông Nhượng và có trước khi ông Điều đến sống với bà Vy nên không liên quan đến ông Điều. Ông Vân (*người thừa kế của ông Vân*); ông Đăng (*Người thừa kế của ông Đăng*); ông Thắng là những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Vi cùng khởi kiện yêu cầu anh Quang phải trả lại di sản thừa kế của bà Vy là nhà đất tại thửa đất số 219.

2. Bị đơn - anh Quang trình bày:

Bố đẻ anh là ông Điều (*đã chết năm 2015*); mẹ đẻ anh là bà Chuối; bố mẹ đẻ anh có 03 con đẻ là chị Tuế, chị Khiển và anh là Nguyễn Đăng Quang.

Ông Điều có quan hệ chung sống vợ chồng với bà Vy và bà Vy có quan hệ huyết thống (*bố mẹ đẻ, chồng, anh em ruột*) đúng như nguyên đơn trình bày. Ông Điều và bà Vy không có đăng ký kết hôn nhưng là hôn nhân thực tế, tại sổ hộ khẩu số 370305 lập ngày 11/9/2002 thể hiện bà Vy là chủ hộ có chồng là ông Điều. Mặc dù anh là con đẻ của ông Điều với mẹ đẻ là bà Chuối, nhưng anh được ông Điều và bà Vy đón về ở tại nhà đất thửa đất số 219 từ năm 1979. Bà Vy không phải là mẹ đẻ anh nhưng bà đã coi anh như con, anh cũng coi bà Vy như mẹ; anh được bà chăm sóc từ nhỏ và khi lớn lên anh chăm sóc bà và lo hậu sự khi bà chết.

Sau khi ông Nhượng chết thì bà Vy về ở nhà mẹ đẻ một thời gian thì bà Vy cùng ông Điều mua đất của bà Đan, ông Thắng sau thu hồi và được đổi đất như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên: Anh được ông Điều và bà Vy kể lại trước thời điểm ông bà mua đất, ông bà đã ra mắt bố mẹ hai bên và tổ chức lễ cưới có gia đình hai bên chứng kiến. Sau khi mua đất xong thì bà Vy và ông Điều cùng xây dựng nhà cấp 4 trên đất để ở. Hai ông bà ở được vài năm thì Nhà nước thu hồi đất để mở cơ đê bồi thường đất cho bà Vy và ông Điều, ông bà chuyển dỡ nhà cũ ở cơ đê về cùng xây dựng nhà cấp bốn tại thửa đất 219, không có ai đóng góp xây dựng đối với nhà đất này. Năm 2001 anh kết hôn với chị Thuý, được ông Điều và bà Vy đứng ra lo tổ chức lễ kết hôn tại nhà ở xóm Brou, thôn Vĩ, xã Cao Viên (*nhà của bà Chuối*). Anh và vợ ở hai nơi là nhà ở xóm Brou và nhà chung cùng ông Điều, bà Vy ở thôn Đồng.

Khi còn sống bà Vy thường xuyên ốm đau (*năm 2010 bà Vy bị bệnh tai biến dẫn đến méo mồm, năm 2012 bị bệnh tiểu đường*) vợ chồng anh là người chăm sóc bà. Đến năm 2014, bà Vy chết thì ông Điều và vợ chồng anh đứng ra lo tang lễ. Gia đình ông Vân, ông Đăng và ông Thắng không đóng góp gì mà chỉ đến cùng tham gia phúng viếng như họ hàng. Mâu thuẫn xảy ra giữa gia đình anh với ông Vân, ông Đăng và ông Thắng là khi làm lễ 49 ngày cho bà Vy thì gia đình anh muốn tổ chức tại nhà để đón thầy về cúng lễ nhưng gia đình ba ông không đồng ý mà yêu cầu phải tổ chức ở Chùa Chợ nên dẫn đến mâu thuẫn (*sau đó gia đình anh vẫn nhất trí tổ chức lễ 49 ngày cho bà Vy ở Chùa Chợ*). Khi làm lễ 100 ngày cho bà Vy, do ông Điều bị bệnh, anh phải chăm sóc ông ở bệnh viện, vợ anh ở nhà không có người làm nên chỉ làm mâm cơm cúng dẫn đến gia đình 3 ông tự làm ở nhà ông Vân. Đến năm 2015 ông Điều chết tang lễ được tổ chức tại nhà của ông và bà Vi tại thôn Đồng. Đại diện gia đình ba ông cũng đến phúng viếng nhưng không chở tang.

Năm 2021, trước thời điểm bốc mộ cho bà Vy anh đã nói chuyện với đại diện gia đình ông Vân, ông Đăng và ông Thắng để anh bốc mộ cho bà Vy nhưng gia đình 3 ông không đồng ý nhưng vợ chồng anh vẫn tiến hành bốc mộ của bà Vy và ông Điều thì xảy ra tranh chấp nên vợ chồng anh đã để gia đình ba ông mang phần mộ của bà Vy đi chôn cất.

Sau khi bà Vy chết vợ chồng anh ở trên phần nhà của ông Điều, bà Vy đã sửa sang lại nhà, lát nền buồng, sơn lại toàn bộ nhà, lợp mái tôn toàn bộ sân để làm

xưởng mộc, thay toàn bộ mái bếp bằng proximang; mua sập, đồ dùng sinh hoạt và thực hiện đóng thuế với Nhà nước.

Anh Quang xuất trình hai bản Di chúc gồm: Bản di chúc đánh máy lập ngày 15/9/2014 do luật sư Phạm Xuân Huy – Trưởng Văn phòng Luật sư Huy Cường chứng nhận và Bản Di chúc đánh máy không có ngày tháng chỉ ghi năm 2014 của ông Nguyễn Đăng Điều.

Đề nghị Tòa án căn cứ các ý kiến anh đã trình bày và hai bản di chúc đã xuất trình xác định: Ông Điều bà Vy là vợ chồng; Toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 219 và các tài sản gắn liền trên đất đang tranh chấp là tài sản chung của bà Vy, ông Điều; Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; anh là người được hưởng toàn bộ tài sản của bà Vy, ông Điều để lại.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Mậu, bà Lượng và các chị Yên, An, Hoan, Vinh, Minh đều thống nhất với ý kiến của nguyên đơn đề nghị buộc anh Quang phải trả lại di sản thừa kế của bà Vy để lại là nhà đất tại thửa đất số 219 theo pháp luật.

3.2. Chị Đỗ Thị Thuý nhất trí toàn bộ ý kiến trình bày của anh Quang và khẳng định quyền sử dụng thửa đất số 219 và các tài sản gắn liền trên đất là của ông Điều và bà Vy (Vi) để lại cho anh Nguyễn Đăng Quang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Chuối trình bày: Nhất trí toàn bộ ý kiến trình bày của anh Quang. Xác định: Bà và ông Điều kết hôn năm 1961 có 03 người con đẻ như anh Quang trình bày. Sau khi sinh anh Quang thì ông Điều đến sống với bà Vy; thỉnh thoảng có về nhà để lo công việc họ và không ở với bà. Đến khi anh Quang được khoảng 05 tuổi thì ông Điều đón anh Quang lên ở cùng ông Điều và bà Vy. Bà với bà Vy đã nhiều lần cãi nhau, đánh nhau vì ông Điều, giữa bà và ông Điều chưa giải quyết ly hôn. Nhà đất đứng tên bà Vy là do bà Vy và ông Điều mua. Phần của ông Điều để lại nếu được thừa kế thì bà để lại cho anh Quang toàn bộ.

3.4. Chị Nguyễn Thị Tuế và chị Nguyễn Thị Khiển đều có quan điểm nếu được hưởng phần thừa kế của ông Điều thì các chị để lại toàn bộ cho anh Quang.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn Doanh trình bày: Ông làm chủ tịch Ủy ban hành chính xã Cao Viên từ năm 1965 đến ngày 05/5/1975 làm bí thư Đảng uỷ kiêm chủ nhiệm Hợp tác xã, đến năm 1977 lại làm chủ tịch UBND xã Cao Viên. Ông được biết năm 1974 bà Vy có mua mảnh đất vườn của cụ Đan và cụ Thắng, ông là chủ tịch Ủy ban hành chính xã Cao Viên xác nhận tại “Giấy xin bán vườn” với nội dung cụ Đan bán đất cho bà Vy và bà Vy đã xây nhà. Đến năm 1975 – 1976, Nhà nước đắp cơ đê sông Đáy, phần đất nhà bà Vy mua của cụ Đan vào cơ đê và một phần lấy đất đắp đê nên UBND xã đã đổi phần đất của bà Vy bằng thửa đất số 219. Sau đó bà Vy xây nhà ở, khoảng đến năm 1976 thì ông Điều làm công nhân thuỷ nông La Khê đang có vợ là bà Chuối và có 03 con đến quan hệ bất chính với bà Vy là vợ liệt sỹ Nhượng nên đã bị UBND xã Cao Viên gọi lên giữ tại UBND xã làm giải trình máy ngày (BL 148).

4.2. *Cụ Nguyễn Thị Đan* trình bày: Năm 1974 cụ và chồng là cụ Lê Thắng đã bán cho bà Vy thửa đất vườn ở cơ đê, thôn Đông theo “Giấy xin bán vườn” do chồng bà là cụ Lê Thắng lập và ký tên. Được UBHC Cao Viên và HTX xác nhận.

Tại Biên bản Thẩm định – định giá tài sản ngày 22/06/2022 Xác định:

1/Thửa đất số 219; GCNQSDĐ số U 040528 - đo đạc thực tế là 284,1m² Đất ở x 30.000.000 đ/m² = 8.523.000.000 đồng.

- Các tài sản đất: Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, Quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít, 02 cây sưa tổng trị giá 29.880.290 đồng.

- Phần mái tôn (*vợ chồng anh Quang làm, che trên phần sân diện tích 61,4m²*) trị giá 12.372.100 đồng.

- Tại biên bản xác minh ngày 02/8/2022, UBND xã Cao Viên cung cấp: Trong sổ lưu đăng ký kết hôn của UBND xã Cao Viên từ năm 1989 đến năm 2015 không thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Điều và bà Vy. Sổ theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở về trước không còn lưu giữ.

- Công an huyện Thanh Oai cung cấp: Trong sổ hộ khẩu số 370305 lập ngày 11/9/2002 do bà Đào Thị Vy (Vi) chủ hộ có tên ông Nguyễn Đăng Điều ghi quan hệ với chủ hộ “chồng”.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 01/3/2023 TAND huyện Thanh Oai, Hà Nội, quyết định:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Thắng, anh Đào Văn Vĩnh, anh Đào Văn Quang, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ “*Kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật*” đối với di sản của bà Đào Thị Vy (Vi).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đăng Quang về việc hưởng di sản theo di chúc của bà Đào thị Vy(Vi) vì di chúc không đủ điều kiện công nhận.

1. Xác định khối tài sản gồm:

Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 284,1m² tại thôn Đông, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25.9.2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) (*nay là nhà số 63 xóm Đoàn Kết, thôn Đông, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội*) giá trị di sản là 8.523.000.000 đồng và 1/2 khối tài sản chung của bà Đào Thị Vy (Vi) và ông Nguyễn Đăng Điều gồm Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, Quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít, 02 cây sưa trên thửa đất 219, ... có giá trị 29.880.290 đồng : 2 = 14.940.145 đồng, tổng cộng giá trị di sản của bà Vy (Vi) là 8.537.940.145 đồng. Trích công sức của ông Điều và cho anh Quang tổng là 2.134.485.145 đồng, còn lại 6.403.455.000 đồng là di sản thừa kế của bà Đào Thị Vy (Vi) được chia thừa kế theo pháp luật cho các kỹ phần thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Vy (Vi).

2. Về kỹ phần thừa kế theo pháp luật: Xác nhận bà Đào Thị Vy(Vi) có 03 kỹ phần thuộc hàng thừa kế thứ hai gồm: Ông Đào Văn Vân (Đã chết) do những người thừa kế hàng thứ nhất của ông Vân nhận; ông Đào Công Đăng(Đã chết) do những người thừa kế của ông Đăng nhận và ông Đào Văn Thắng, mỗi kỹ phần được hưởng giá trị là 6.403.455.000đồng: 03 kỹ phần = 2.134.485.000 đồng

Công sức của ông Điều và anh Quang được tính là 2.134.485.145 đồng và di sản của ông Điều để lại là 1/2 khối tài sản chung của bà Vũ Thị Vy (Vi) và ông Nguyễn Đăng Điều gồm Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, Quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít, 02 cây sưa trên thửa đất 219, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn Đông, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội có giá trị 29.880.290 đồng : 2 = 14.940.145 đồng, Tổng giá trị anh quang được hưởng là 2.149.425.290 đồng (...).

3. Giao ông Đào Văn Thắng cùng những người thừa kế của ông Đào Văn Vân gồm: Bà Nguyễn thị Lượng; chị Đào Thị Yên, chị Đào Thị An, chị Đào Thị Hoan, chị Đào Thị Vinh, anh Đào Văn Vĩnh, anh Đào Văn Quang và những người thừa kế của ông Đào Công Đăng gồm: Bà Nguyễn thị Mậu; Chị Đào Thị Minh, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ được quyền sử dụng 212,5 m²đấtở có giá trị là 6.375.000.000 đồng và sở hữu tài sản, cây trồng trên đất gồm: Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, một phần quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít) trong thửa đấtở số 219, tờ bản đồ số 12, ...có trị giá 28.480.290 đồng và mái tôn lợp sân trị giá: 12.372.100 đồng. Tổng cộng giá trị đất ở và tài sản trên đất là 6. 415.852.390 đồng. (Có sơ đồ giới hạn đất kèm theo bản án).

3.2. Giao anh Nguyễn Đăng Quang sử dụng 71,6m² đất ở có giá trị là 2.148.000.000 đồng và một phần gian quán, 02 cây sưa có tổng giá trị là 1.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản giao cho anh Quang là công sức của ông Nguyễn Đăng Điều và anh Nguyễn Đăng Quangtrong thửa số 219, tờ bản đồ số 12, ... là 2.149.400.000 đồng. (Có sơ đồ giới hạn đất kèm theo bản án).

Ông Đào Văn Thắng, những người thừa kế của ông Đào Văn Vân gồm: bà Nguyễn thị Mậu, chị Đào Thị Yên, chị Đào Thị An, chị Đào Thị Hoan, chị Đào Thị Vinh, anh Đào Văn Vĩnh, anh Đào Văn Quang và những người thừa kế của ông Đào Công Đăng gồm: bà Nguyễn thị Lượng, chị Đào Thị Minh, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ không phải thanh toán cho anh Nguyễn Đăng Quanggiá trị tài sản nhà và tài sản trên đất là di sản của ông Nguyễn Đăng Điều do phần tài sản anh Nguyễn Đăng Quang được giao đã đủ theo tổng giá trị được hưởng.

4. Ông Đào Văn Thắng, những người thừa kế của ông Đào Văn Vân gồm: chị Đào Thị Yên, chị Đào Thị An, chị Đào Thị Hoan, chị Đào Thị Vinh, anh Đào Văn Vĩnh, anh Đào Văn Quang và những người thừa kế của ông Đào Công Đăng gồm: chị Đào Thị Minh, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ thanh toán cho vợ chồng anh

Nguyễn Đăng Quang chị Đỗ thị Thúy giá trị mái lợp tôn là 12.372.100 đồng (....) và có nghĩa vụ tháo dỡ phần mái tôn lợp trên phần đất anh Quang được giao sử dụng.

Anh Nguyễn Đăng Quang phải di dời người và tài sản ra khỏi khuôn viên đất và tài sản trên đất mà ông Đào Văn Thắng, những người thừa kế của ông Đào Văn Vân gồm: chị Đào Thị Yên, chị Đào Thị An, chị Đào Thị Hoan, chị Đào Thị Vinh, anh Đào Văn Vĩnh, anh Đào Văn Quang và những người thừa kế của ông Đào Công Đăng gồm: chị Đào Thị Minh, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ được giao sử dụng, sở hữu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm:

- Ông Đào Văn Thắng và các anh Đào Văn Vĩnh, Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp, Đào Văn Sỹ là nguyên đơn. Kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không đồng ý trích công sức cho ông Điều và anh Quang trị giá 1/4 di sản của bà Vy.

- Anh Nguyễn Đăng Quang là bị đơn; Chị Đỗ Thị Thúy là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng kháng cáo. Đề nghị cấp phúc thẩm xác định ông Điều là chồng hợp pháp của bà Vy, chết sau bà Vy nên là hàng thừa kế thứ nhất của bà Vy và được hưởng thừa kế toàn bộ di sản của bà Vy. Việc mua đất của cụ Đan là ông Điều- bà Vy mua chung nên là tài sản chung của bà Vy- ông Điều. Các anh em ruột bà Vy là hàng thừa kế thứ hai không được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư Hà bảo vệ cho nguyên đơn phát biểu tranh luận:

Quan hệ giữa ông Điều với bà Vy là trái pháp luật, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ chồng; giữa anh Quang và bà Vy không phải là quan hệ mẹ kế, con riêng và không có quan hệ con nuôi. Bà Vi là người trực tiếp mua đất của vợ chồng cụ Thắng- cụ Đan; thửa đất 219 hiện nay chính là thửa đất mà bà Vy được đổi từ thửa đất mua được mà có; có trước khi ông Điều có quan hệ với bà Vy nên là tài sản riêng của bà Vy. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ tài sản là di sản thừa kế cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Vy bởi vì hàng thừa kế thứ nhất của bà Vy đều đã chết trước bà Vy như cấp sơ thẩm đã tuyên.

Nhà đất thửa đất 219 là của bà Vy. Ông Điều chỉ là người là đến ở cùng, sau đó anh Quang đến ở cùng. Tòa sơ thẩm trích công sức quản lý, sử dụng thửa đất cho bố con anh Quang 1/4 trị giá tài sản là không đúng.

Các nguyên đơn:

Anh Vĩnh đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế ông Vân nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Hà và bổ sung: Anh và những người thừa kế chuyển tiếp ông Đào Văn Vân, gồm: Bà Mậu; các chị: Yên, An, Hoan, Vinh và các anh Đào Văn Quang cùng thống nhất thỏa thuận: Kỵ phần mà ông Vân được thừa kế từ bà Vy thì nhập chung với kỵ phần của ông Thắng và kỵ phần mà người

thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng được thừa kế từ bà Vy thành một khối; không phân chia riêng biệt và do ông Thắng, anh Vĩnh và anh Sỹ đại diện đứng tên đồng sở hữu cho đến khi ông Thắng; những người được thừa kế chuyển tiếp của ông Vân, ông Đăng tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện phân chia bằng vụ kiện khác. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho những người cao tuổi. Những người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần của ông Vân thì do anh Vĩnh đại diện chịu; kỷ phần của ông Đăng thì do anh Sỹ đại diện chịu.

Anh Sỹ đồng thời là đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế ông Đăng nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Hà và của anh Vĩnh.

Các anh *Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp* nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Hà và của anh Vĩnh.

Ông Thắng nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Hà; của anh Vĩnh, anh, anh *Đào Văn Quang* và anh *Đào Công Hiệp*.

Luật sư Thắng bảo vệ quyền lợi cho anh Đăng Quang trình bày tranh luận: Tòa án sơ thẩm xác định không đúng quan hệ vợ chồng giữa Điều và bà Vy. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Án lệ số 41/2012/AL của TAND tối cao để xác định ông Điều là chồng hợp pháp của bà Vy, đã chung sống hơn 40 năm, theo Luật sư, trước khi bà Chuối kết hôn với ông Điều thì bà Chuối đã kết hôn với ông Nguyễn Đăng Nhân, sau khi không chung sống với ông Nhân một vài năm thì kết hôn với ông Điều. Năm 2002, UBND huyện Thanh Oai cấp GCN QSDĐ số U 040528 là cấp cho hộ gia đình bà Vy, Sổ hộ khẩu ghi ông Điều có quan hệ với chủ hộ (bà Vy) là chồng bà Vy. Nên xác định toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 219 là tài sản chung vợ chồng ông Điều- bà Vy. Ông Điều là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Vy nên được hưởng di sản do bà Vy để lại.

Ngoài thửa đất ở số 219, bà Vy còn được UBND huyện Thanh Oai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 728m² đất nông nghiệp (*đất canh tác một thửa 680 m² và một thửa 48m²*) điều này thể hiện ông Điều là chồng bà Vy và có hộ khẩu ở với bà Vy mới được cấp nhiều đất canh tác như vậy. Bởi theo Luật sư thì mỗi khẩu tại xã Cao Viên chỉ được cấp khoảng 366m² đất canh tác.

- Hai bản di chúc do anh Quang xuất trình cũng là căn cứ chứng minh về ý chí nguyện vọng của bà Vy.

- Tại Vi bằng số 1185/2023/VBTPLTĐ, Cụ Đan đã kể lại là ông Điều và bà Vy là người cùng đến xem đất và cùng mua đất.

Với các phân tích trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị đơn - Anh Đăng Quang nhất trí toàn bộ ý kiến của Luật sư Thắng. Bổ sung: Mặc dù mẹ đẻ anh là bà Chuối vẫn ở tại nhà đất do bố anh (*ông Điều*) được các cụ đòi trước (*các cụ, ông bà, bố*) của ông Điều để lại cho ông Điều nhưng kể từ khi ông Điều đến ở với bà Vy thì không còn quan tâm gì đến bà Chuối nữa, thỉnh thoảng ông Điều có về nhà (*bà Chuối đang ở*) là chỉ để lo các công việc trong họ. Do bà

Chuối và các chị anh cho anh toàn bộ phần tài sản do ông Điều để lại tại thửa đất số 219 nên nếu phải chịu án phí dân sự thì anh tự nguyện chịu thay các chị anh. Mẹ anh (bà Chuối) là người cao tuổi nên xin được miễn án phí dân sự.

Khi kháng cáo anh đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận anh có quyền sử dụng, sở hữu nhà đất thửa đất 219 do ông Điều bà Vy để lại. Nay anh đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Luật sư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Những người là người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân, ông Đăng có mặt tại phiên tòa nhất trí toàn bộ quan điểm trình bày của Luật sư Hà; của ông Thắng và các anh Vĩnh, Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp.*

- *Chị Thúy nhất trí toàn bộ ý kiến tranh luận của Luật sư Thắng và anh Đăng Quang đã trình bày tranh luận.*

Chị Tuất. Chị xác định chị không kháng cáo bản án sơ thẩm, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến tranh luận của Luật sư Thắng và anh Đăng Quang đã trình bày tranh luận.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không gửi văn bản trình bày quan điểm, ý kiến với Hội đồng xét xử.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án

*** Kiểm sát viên VKSND Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng:

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành phiên tòa đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo thực hiện việc kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Tại phiên tòa, một số đương sự không kháng cáo, được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về Nội dung: Cấp sơ thẩm chưa thu thập sổ hộ khẩu gia đình bà Vy tại thời điểm kê khai cấp GCNQSDĐ và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Vy năm 2002 để xác định hộ bà Vy vào thời điểm kê khai cấp GCNQSDĐ gồm những ai, họ có quyền lợi gì đối với thửa đất tranh chấp để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) là xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DSST ngày 01/3/2023 của TAND huyện Thanh Oai.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

- Người kháng cáo thực hiện việc kháng cáo trong hạn luật định được xác định là

kháng cáo hợp lệ.

- Trong hồ sơ vụ án có xuất hiện đơn kháng cáo của bà Chuối, chị Khiển, chị Tuế. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng họ đều không đến Tòa án làm việc.

- Chị Tuế có mặt tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận: Trong hồ sơ vụ án có đơn kháng cáo đứng tên chị nhưng chị khẳng định chị không kháng cáo, không viết đơn hoặc ký bất kỳ đơn kháng cáo nào. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị Tuế không kháng cáo.

- Đối với bà Chuối, chị Khiển. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 28/7/2023 (*phiên tòa phải hoãn do vắng mặt bà Chuối, chị Khiển và theo yêu cầu của chị Thúy*), Luật sư Thắng (bảo vệ quyền lợi cho anh Đăng Quang) đã làm việc với Tòa án, Luật sư Thắng có quan điểm: Là người bảo vệ quyền lợi cho anh anh Quang, anh Quang là người nhận ủy quyền của bà Chuối, chị Khiển, Luật sư sẽ làm việc với bà Chuối, chị Khiển về việc kháng cáo của họ. Tại phiên tòa Luật sư Thắng khẳng định đã làm việc với bà Chuối, chị Khiển nhưng họ không thực hiện thủ tục kháng cáo và không đến phiên tòa.

Anh Nguyễn Đăng Quang trình bày: Mẹ anh là bà Chuối và chị Khiển có ý định kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng khi Tòa án Thanh Oai yêu cầu họ đến để làm thủ tục kháng cáo nhưng họ không đến vì bà Chuối già yếu, chị Khiển bị điếc không đến làm việc; anh có làm đơn thay họ gửi đến TAND Thành phố Hà Nội. Khi được Tòa án yêu cầu họ đến Tòa án làm việc thực hiện các thủ tục kháng cáo nhưng họ không đến. Khi Luật sư Thắng làm việc với họ về việc Tòa án yêu cầu họ đến Tòa án làm việc thực hiện các thủ tục kháng cáo nhưng họ không đến; Họ đã nhận được thông báo mở lại phiên tòa nhưng họ không đến phiên tòa và không ủy quyền cho anh. Căn cứ các Điều 272, 273, 276, 296 của BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử xác định bà Chuối, chị Tuế không kháng cáo theo quy định pháp luật hoặc đã từ bỏ kháng cáo.

- Một số đương sự không kháng cáo, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo mở lại phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Các đương sự vắng mặt đã ủy quyền và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Những nội dung các bên đương sự thống nhất không phải chứng minh:

Bà Vy (Vi), chết ngày 30/9/2014; có bố đẻ là cụ Đào Văn Lân (*chết năm 1973*) và mẹ đẻ là cụ Đinh Thị Mịch (*chết năm 1985*); chồng là Đỗ Văn Nhượng (*là liệt sỹ, chết năm 1967*), bà Vy và ông Nhượng không có con chung. Bố mẹ và chồng của bà Vy đều chết trước bà Vy. Bà Vy có các anh em ruột là:

- Ông Đào Văn Vân (*chết ngày 13/02/ 2018, có vợ là bà Mậu và 06 người con gồm: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh và Đào Văn Quang*);

- Ông Đào Công Đăng (*chết ngày 25/11/ 2021, có vợ là bà Lượng và 03 người con là Minh, Hiệp và Đào Văn Sỹ*).

- Ông Đào Văn Thắng, sinh năm 1950.

- Ông Nguyễn Đăng Điều khi đang có vợ là bà Chuối (*bà Chuối kết hôn với ông Điều năm 1961 hiện bà Chuối còn sống và chưa ly hôn với ông Điều*). Năm 1976 ông Điều đến chung sống với bà Vy không có đăng ký kết hôn.

- Ông Điều chết ngày 02/02/2015. Ông Điều và Chuối có 03 người con đẻ gồm chị Tuất, sinh năm 1966; chị Khiển, sinh năm 1970 và anh Quang. Bố mẹ đẻ ông Điều đều chết trước ông Điều. Ông Điều không còn con riêng nào khác.

- Năm 1979, anh Quang được bà Vy và ông Điều đón lên chung sống, anh Quang coi bà Vy như mẹ đẻ và bà Vy coi anh như con đẻ nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định pháp luật.

2.2. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Quang, chị Thúy. Hội đồng xét xử thấy:

Anh Quang là bị đơn, chị Thúy là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có cùng nội dung kháng cáo nên được xét chung.

2.2.1. Đối với kháng cáo đề nghị xác định ông Điều và bà Vy là vợ chồng,

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của các đương sự và cung cấp của ông Nguyễn Văn Doanh nguyên là Chủ tịch UBHC xã Cao Viên thời kỳ ông Điều, bà Vy chung sống có đủ căn cứ xác định: Ông Điều đến chung sống với bà Vy năm 1976 không có đăng ký kết hôn. Thực tế khi sống chung với bà Vy thì ông Điều đã có vợ là bà Chuối kết hôn năm 1961 và đã có 03 con chung với bà Chuối là chị Tuất, sinh năm 1966; chị Khiển, sinh năm 1970 và anh Quang, sinh năm 1973. Những người con này đều được sinh trước khi ông Điều đến ở với bà Vy. Ông Điều và bà Chuối chưa ly hôn (*lời khai của bà Chuối đã xác định năm 1976 ông Điều đến chung sống như vợ chồng với bà Vy không có đăng ký kết hôn và bà và ông Điều chưa ly hôn, giữa bà với bà Vy nhiều lần mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau vì ông Điều*). Tại thời điểm ông Điều, bà Vy sống chung thì Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 đang có hiệu lực và Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “*Cấm người đang có vợ, có chồng kết hôn với người khác*”. Thời điểm đó ông Điều và bà Vy, bà Chuối đều đang cư trú sinh sống tại xã Cao Viên, ông Điều là công nhân thủy nông La Khê (*ở miền Bắc*) nên không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư số 60/TATC ngày 22/2/1978 của TAND tối cao hướng dẫn giải quyết các việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình của cán bộ, bộ đội có vợ, có chồng trong Nam tập kết ra bắc lấy vợ, lấy chồng khác. Sổ hộ khẩu gia đình số 370305 (*bà Vy là chủ hộ*) mà anh Quang xuất trình có ghi ông Điều “**Quan hệ với chủ hộ - chồng**” do Công an xã Cao Viên ban hành. Theo quy định của pháp luật, Công an xã không phải là Cơ quan có thẩm quyền xác định, quyết định công dân là vợ - chồng. Ngoài ra anh Quang còn giao bức ảnh thể hiện mộ ông Điều, mộ bà Vy được an táng liền kề nhau; cùng thờ chung bàn thờ không phải là căn cứ xác định họ là vợ chồng.

Luật sư Thắng cho rằng cần áp dụng Án lệ số 41/2021/AL để xác định ông Điều và bà Vy là Hôn nhân thực tế. Tuy nhiên tình huống án lệ thể hiện:

Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật Hôn nhân và gia đình

năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Quan hệ hôn nhân đầu tiên và quan hệ hôn nhân thứ hai đều là hôn nhân thực tế.

“[3] Xét bà Tô Thị T2 chung sống với ông T1 không đăng ký kết hôn, đến năm 1982 bà T2 đã bỏ vào Vũng Tàu lấy ông D có con chung từ đó đến nay quan hệ hôn nhân thực tế giữa ông T1 với bà T2 đã chấm dứt từ lâu nên không còn nghĩa vụ gì với nhau nên bà T2 không được hưởng di sản của ông T1 để lại như án sơ thẩm xử là đúng.

[4] Xét sau khi bà T2 không còn sống chung với ông T1 thì năm 1985 ông T1 sống chung với bà S cho đến khi ông T1 chết có 1 con chung, có tài sản chung hợp pháp, án sơ thẩm công nhận là hôn nhân thực tế nên được chia tài sản chung và được hưởng di sản thừa kế của ông T1 là có căn cứ”.

Trong vụ án này bà Chuối khai bà và ông Điều kết hôn năm 1961 cho đến nay chưa giải quyết ly hôn. Bà Chuối không bỏ đi chung sống với ai khác hoặc có con với ai khác- Không có căn cứ xác định quan hệ giữa bà Chuối và ông Điều đã chấm dứt “từ lâu”. Thậm chí bà Chuối còn khai ông Điều thỉnh thoảng có về nhà lo việc họ và tại phiên tòa anh Quang cũng thừa nhận nhà mà mẹ anh (bà Chuối) đang ở là nhà của bố anh (ông Điều) được thừa hưởng của các cụ, ông bà, bố mẹ ông Điều để lại. Do đó giữa ông Điều – bà Chuối là hôn nhân trước và không thuộc trường hợp “Đã chấm dứt từ lâu” nên không thuộc trường hợp áp dụng Án lệ số 41/2021/AL.

Mặc dù tại cấp sơ thẩm, bà Chuối không trình bày đã từng chung sống với ông Nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư Thắng cho rằng trước khi kết hôn với ông Điều thì bà Chuối chung sống với ông Nhân, sau đó chấm dứt với ông Nhân về chung sống với ông Điều có 03 con chung, cho đến nay vẫn ở tại nhà của ông Điều được thừa hưởng từ bố mẹ ông Điều, không có căn cứ xác định giữa ông Điều và bà Chuối “chấm dứt”. Nếu theo Án lệ số 41/2021/AL mà Luật sư Thắng đề nghị áp dụng thì. Trong trường hợp ông Điều bà Chuối không có đăng ký kết hôn(Đương sự không xuất trình đăng ký kết hôn giữa ông Điều, bà Chuối; UBND xã Cao Viên Sở theo dõi đăng ký kết hôn từ năm 1989 trở về trước không còn lưu giữ. Như vậy theo Án lệ số 41/2021/AL mà Luật sư Thắng yêu cầu áp dụng thì lại xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Chuối với ông Điều mới là quan hệ vợ chồng được thừa nhận. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Chuối với ông Điều là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quan hệ giữa ông Điều với bà Vy là quan hệ hôn nhân không hợp pháp

Ngoài ra Luật sư Thắng còn cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Thanh Oai cấp cho bà Vy được quyền sử dụng 728m² đất nông nghiệp (đất canh tác một thửa 680 m² và một thửa 48m²) để cho rằng vì ông Điều là chồng bà Vy, có hộ khẩu ở cùng với bà Vy thì mới được cấp nhiều đất canh tác như vậy, bởi theo Luật sư thì mỗi khẩu tại xã Cao Viên chỉ được cấp khoảng 366m² đất canh tác không phải căn cứ chứng minh ông Điều là chồng bà Vy.

Do đó cấp sơ thẩm xác định ông Điều và bà Vy không phải là vợ chồng không được hưởng thừa kế của nhau là đúng quy định pháp luật.

2.2.2. Đối với kháng cáo đề nghị xác định thửa đất số 219 là tài sản chung của ông Điều- bà Vy.

Tại cấp phúc thẩm, anh Quang xuất trình Vi bằng số 1185/2023/VBTPLTĐ do Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô thực hiện ngày 29/6/2023. Theo Vi bằng này, cụ Đan nói với anh Quang: *“Tôi chỉ nhớ khi ông Trịnh Doanh làm chủ tịch xã Cao Viên, vào khoảng năm 1974, tôi có bán thửa đất ở gần đê chợ Bộ, thôn Đống, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây cho ông Điều và bà Vi. Từ lúc hỏi mua đất, xem đất và trả tiền thì đều là ông Điều và bà Vi đi xem, đi mua và trả tiền cho tôi”*. Tuy nhiên lời trình bày của cụ Đan tại Vi bằng cũng không có căn cứ xác định ông Điều và bà Vy đã thỏa thuận mua chung hay cùng góp tiền mua đất của cụ Đan; mâu thuẫn với chính lời khai của cụ tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022 (BL149). Tại Biên bản này cụ Đan đã trình bày: Năm 1974 cụ và chồng là cụ Lê Thắng bán cho Vy thửa đất vườn theo “Giấy bán vườn”; không trình bày bán cho ông Điều, bà Vy; không có nội dung nào thể hiện: *“Từ lúc hỏi mua đất, xem đất và trả tiền thì đều là ông Điều và bà Vi đi xem, đi mua và trả tiền cho tôi”*. “Giấy xin bán vườn” có nội dung: Cụ Đan bán cho bà (cô) Đào Thị Vi mảnh vườn 1 sào, có tứ cận giáp ranh cụ thể với giá tiền 800 đồng; gia đình cụ Đan đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho bà (cô) Vy. Được chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Đống Vỹ- Cao Viên xác nhận ngày 05/3/1974 có nội dung *“... bà Đan đem bán cho cô Vy”* và Chủ tịch Ủy ban hành chính (nay là UBND) xã Cao Viên xác nhận ngày 10/3/1974 với nội dung *“Đơn xin bán vườn (đất thổ cư trước đây) của ông Thắng và bà Đan cho bà Đào Thị Vy để lấy đất làm nhà, UBHC xã duyệt và đồng ý..... Bà Vy được sử dụng”*. Không có nội dung nào thể hiện ông Điều có mặt khi mua, trả tiền hay do ông Điều, bà Vy mua chung.

Mặt khác: Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2022 (BL148), ông Nguyễn Văn Doanh nguyên là chủ tịch UBHC xã Cao Viên, người đã ký xác nhận “Giấy xin bán vườn” cung cấp: Năm 1974 bà Vy mua mảnh đất vườn của bà Đan và ông Thắng, *“Khoảng đến năm 1976 ông Điều ... có đến quan hệ bất chính với bà Vy”*. Như vậy không có căn cứ xác định năm 1974 ông Điều cùng bà Vy đến xem đất, mua đất và trả tiền cho cụ Đan- cụ Thắng.

Các đương sự cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông Điều- bà Vy góp tiền mua chung thửa đất của cụ Đan- cụ Thắng.

Đủ căn cứ xác định: Năm 1974, bà Vy nhận chuyển nhượng của vợ chồng cụ Đan – cụ Thắng một sào đất gần cơ đê tại thôn Đống Vỹ, xã Cao Viên. Sau đó Nhà nước thu hồi và đổi cho bà Vy thửa đất số 219 hiện nay.

Mặc dù GCNQSDĐ số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 cho hộ gia đình bà Vy, ông Điều có tên trong Sổ hộ khẩu gia đình số 370305 do bà Vy là chủ hộ. Tuy nhiên:

Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995 (Bộ luật có hiệu lực tại thời điểm cấp GCNQSDĐ số U 040528) quy định: *“1. Tài sản chung của hộ gia đình gồm tài sản*

do các thành viên cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ”.

Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015 (Bộ luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh tranh chấp) quy định: “1. Tài sản của các thành viên gia đình cùng sống chung gồm tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên”.

Như vậy người có tên trong sổ hộ khẩu gia đình không có nghĩa là người được quyền sử dụng, sở hữu chung thửa đất số 219. Vì nguồn gốc thửa đất này do bà Vy nhận chuyển nhượng sau đó đổi cho Nhà nước mà có. Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện thửa đất số 219 là do ông Điều và bà Vy “....cùng nhau tạo lập nên hoặc được tặng cho chung và ... thoả thuận là tài sản chung của hộ” hoặc “đóng góp, cùng nhau tạo lập nên” . Do đó. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đề nghị công nhận thửa đất 219 GCNQSDĐ số U 040528 là tài sản chung của ông Điều-bà Vy và xác định là tài sản riêng của bà Vy là đúng pháp luật.

2.2.3. Đối với kháng cáo đề nghị xác định anh Quang được hưởng thừa kế của bà Vy theo quan hệ mẹ con và theo hai Bản di chúc anh xuất trình.

Các đương sự đều thừa nhận: Anh Quang được ông Điều đón lên chung sống với bà Vy khi anh được 5 tuổi, nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định; giữa anh Quang và bà Vy không phát sinh quan hệ mẹ kế, con riêng vì bố đẻ anh là ông Điều với bà Vy không phải là quan hệ vợ chồng. Thực tế các lời khai anh Quang đều trình bày “ Tôi coi bà Vy như mẹ và bà Vy coi tôi như con”. Bản thân anh vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú (và hiện ở) tại số nhà 3, ngách 01, xóm Brou, thôn Vĩ, xã Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội là nhà mẹ đẻ anh. Mẹ đẻ của anh là bà Chuối thừa nhận tự ông Điều tự đưa anh đến ở với ông Điều cùng với bà Vy. Khi anh kết hôn cũng tổ chức hôn lễ tại nhà mẹ đẻ anh. Do đó cấp sơ thẩm xác định anh Quang không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Vy là đúng quy định tại các Điều 651,653,654 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản di chúc đánh máy lập ngày 15/9/2014 mà theo anh là của bà Vy (do luật sư Phạm Xuân Huy chứng nhận) để lại với nội dung: “ Tôi xây dựng gia đình với ông Nguyễn Đăng Điều, sinh năm 1937 là người cùng thôn đến nay đã hơn 40 năm nhưng không sinh được người con nào. Song điều may mắn cho tôi là ông Điều có một người con trai riêng là Nguyễn Đăng Quang, sinh năm 1973. Tôi rất yêu quý, tuy không sinh ra nhưng con như con đẻ và đã dồn hết tình thương, nuôi dưỡng từ lúc 6 tuổi cho đến khi cháu trưởng thành. Ngược lại, cháu Quang cũng coi tôi như mẹ đẻ, yêu thương quý trọng tôi nhất là lúc rồi trái nặng trĩu trời cháu Quang luôn bên cạnh chăm sóc cho tôi. Tình mẫu tử gắn bó tôi với cháu Quang như mẹ con ruột thịt. Tôi đã già yếu lại mắc nhiều bệnh của tuổi già nên tôi lập di chúc này giao quyền cho con Nguyễn Đăng Quang được đứng ra với tư cách là một người con trai của tôi lo lắng ma chay, cúng giỗ cho tôi theo phong tục tập quán địa phương khi tôi qua đời. Đồng thời con Nguyễn Đăng Quang được hưởng toàn bộ các di sản của tôi để

lại... ”... “Tôi điểm chỉ ngón trỏ bàn tay phải vào bản di chúc này trước sự chứng kiến của ông Luật sư Phạm Xuân Huy...” .

Về hình thức: Bản di chúc được đánh máy có hai trang, hai tờ nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Chỉ có một người làm chứng duy nhất là Luật sư Huy chứng nhận tại phần **“Người làm chứng”** ở trang 02 (*tờ số 02*). Nhưng trang 01 (*tờ số 01*) không thể hiện ai là người làm chứng; Luật sư Huy có được mời làm chứng hay không. Bản di chúc chỉ có chữ ký “ Vy (Vi)”, chữ viết tên “Đào Thị Vy (Vi)” ở trang 02 (*tờ số 02*) tại phần đánh máy dòng chữ **“NGƯỜI LẬP DI CHỨC”** . Còn trang 01(*tờ số 01*) không có điểm chỉ hoặc chữ ký của người lập di chúc, không có chữ ký của người làm chứng. Trong bản di chúc này còn nêu *“tôi không biết chữ nên điểm chỉ”* trong bản di chúc không có điểm chỉ của bất kỳ ai. Về nội dung của di chúc không nêu rõ di sản của bà Vy để lại là những gì, đang ở đâu, do ai đang quản lý; vị trí, kích thước diện tích đất như thế nào và không có nội dung nào thể hiện bà Vy để lại cho anh Quang được hưởng thừa kế thừa đất 219; GCNQSDĐ số U 040528. Do đó cấp sơ thẩm xác định Bản di chúc đánh máy lập ngày 15/9/2014 không có hiệu lực pháp luật, không hợp pháp đối với thừa đất số 219 là đúng quy định tại các Điều 653; 656; 658 Bộ luật dân sự năm 2005 (*Bộ luật đang có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc*)

- Bản Di chúc đánh máy ghi năm 2014 mà theo anh Quang là của ông Nguyễn Đăng Điều để lại có nội dung: *“Tôi và vợ tôi là Đào Thị Vi là chủ sử dụng thừa đất số U040528 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00385- QSD Đ/CV/T.O do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002. Khi tôi không còn trên cõi đời này nữa thì phần sử dụng thừa đất và tài sản gắn liền với đất của tôi sẽ do con trai tôi là Nguyễn Đăng Quang hưởng toàn bộ di sản đó....”*. Bản di chúc này được đánh máy không ghi ngày tháng (*chỉ ghi năm 2014*) gồm có 02 trang (*hai tờ*) không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực. Trang 01 (*tờ số 01*) không thể hiện ai là người làm chứng; không có chữ ký của người làm chứng; Trang 02 (*tờ số 02*) tại phần đánh máy dòng chữ **“Người làm di chúc”** có 2 dấu điểm chỉ nhưng không nêu rõ ai điểm chỉ, ngón tay nào. Phần **“ Người xác nhận”** có chữ ký và dòng chữ viết tay “Ng hữu Tân” không có căn cứ xác định người xác nhận có tư cách gì, có năng lực ra sao; quan hệ như thế nào với người để lại di chúc; **“ Phần người làm chứng”** có chữ ký và dòng tên đánh máy Nguyễn Đăng Thọ; chữ ký “Tạo” và dòng chữ viết tay Ng Đăng Tạo cũng không có căn cứ xác định những người làm chứng này có năng lực như thế nào, có quan hệ gì với người để lại di chúc. Ngoài ra cùng hàng với dòng chữ **“Người làm di chúc”**, phía bên trái trang 02 (*tờ số 02*) còn có dòng chữ viết tay *“ Tôi Nguyễn Đăng Định anh ruột Nguyễn Đăng Điều”* và chữ ký “ Định” và dòng chữ viết tay Nguyễn Đăng Định không thể hiện người này ký và viết tên với tư cách gì. Bà Đào Thị Vy không phải là vợ của ông Điều như trang 01 (*tờ số 01*) đã ghi; ông Điều không phải là người sử dụng, sở hữu chung thừa đất 219. Do đó cấp sơ thẩm xác định không công nhận tính hiệu lực

pháp luật của bản di chúc này là có căn cứ đúng quy định tại các Điều 653; 656; 658 Bộ luật dân sự năm 2005 (*Bộ luật đang có hiệu lực tại thời điểm lập di chúc*) .

Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự về thời điểm bà Vy chết, quan hệ huyết thống của bà Vy. Theo cấp sơ thẩm xác định: Ông Đào Văn Thắng; Ông Đào Văn Vân (*chết năm 2018, vợ là bà Nguyễn Thị Mậu và 06 người con, được thừa kế chuyển tiếp của ông Vân*); Ông Đào Công Đăng (*chết năm 2021; có vợ là bà Nguyễn Thị Lượng và 03 người con, được thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng*) là những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Vi là đúng quy định tại Điều 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo điểm b khoản 2.4 Mục 2 nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn: “*Trường hợp người chết để lại di sản cho các thừa kế nhưng các thừa kế không trực tiếp quản lý, sử dụng mà di sản đó đang do người khác chiếm hữu bất hợp pháp hoặc thuê, mượn, quản lý theo Ủy quyền... thì các thừa kế có quyền khởi kiện người khác đó để đòi lại di sản*”. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đòi di sản của bà Vy để lại hiện bị anh Quang chiếm giữ là đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của bị đơn là anh Quang và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thúy, là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên anh Quang và chị Thúy kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy cấp sơ thẩm chia cho ông Thắng; những người thừa kế của ông Đăng, ông Vân được hưởng hiện vật trong đó có phần mái tôn lợp trên sân do vợ chồng anh Quang- chị Thúy phát triển nhưng lại buộc anh Quang phải tháo dỡ phần mái tôn trên phần đất anh Quang được giao là không có căn cứ. Mà cần phải buộc ông Thắng; những người thừa kế của ông Đăng, ông Vân phải tháo, dỡ phần mái tôn chiếm sang phần đất của anh Quang được giao. Cách tính án phí dân sự sơ thẩm cũng không chính xác nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Quang và chị Thúy. Sửa bản án sơ thẩm về nội dung không chính xác này.

2.3. Xét kháng cáo của các nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như nhận định về xét kháng cáo của bị đơn là anh Quang và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thúy. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xác định:

Thửa đất 219; GCNQSDĐ số U 040528 là tài sản riêng của bà Vy. Không phải là tài sản chung của ông Điều-bà Vy. Năm 1976 ông Điều đến ở cùng bà Vi, đến năm 1979 đón anh Quang về ở cùng. Quá trình ông Điều ở cùng bà Vi từ năm 1976 có góp công sức trong việc tôn tạo, quản lý, trông nom di sản. Khi bà Vi ốm, ông Điều, anh Quang có công chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị lo tiền thuốc chữa bệnh cho bà Vi. Năm 2014 bà Vy ông Điều và anh Quang có công sức lo tổ chức tang lễ mai táng khi bà Vi chết. Do đó cấp sơ thẩm tính công sức, đóng góp trong việc trông nom, quản lý, tôn tạo di sản của ông Điều, anh Quang (*anh Quang có công sửa sang lại nhà, lát nền buồng, sơn lại toàn bộ nhà*) bằng một tỷ phần di sản thừa kế của bà

Vi là đúng quy định tại Điều 618, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Cụ thể:

- Thửa đất số 219 theo GCNQSDĐ số U 040528 là 271 m²; đo thực tế là 284,1m². Các đương sự và UBND xã Cao Viên xác định số đo thực tế là đúng với khuôn viên đất của bà Vy quản lý sử dụng sau khi bà Vy chết thì anh Quang quản sử dụng, không lấn chiếm các hộ xung quanh; không phát hiện người quản lý nhận chuyển nhượng thêm của người khác việc chênh lệch diện tích do cách đo máy và đo tay. Xác định thửa đất 219 di sản riêng của bà Vy là 284,1m² x 30.000.000 đồng/m² = 8.523.000.000 đồng.

- Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, Quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít, 02 cây sưa tổng giá trị là 29.880.290 đồng do ông Điều bà Vy cải tạo xây dựng, phát triển được. Nên xác định là tài sản chung của bà Vy, ông Điều. Do đó ông Điều, bà Vy mỗi người được chia trị giá thành tiền là 14.940.145 (làm tròn 14.940.000) đồng.

- Phần mái tôn che trên phần sân diện tích 61,4m² trị giá 12.372.100 đồng là của vợ chồng anh Quang – chị Thúy.

Xác định di sản của bà Vy là [8.523.000.000 đồng (*giá trị quyền sử dụng thửa đất 219*) + 14.940.000 đồng (*1/2 giá trị tài sản trên đất*)] = 8.537.940.000 đồng.

Như nhận định trên hàng thừa kế thứ hai của bà Vy gồm 03 kỷ phần; trích công sức cho ông Điều và anh Quang bằng 01 kỷ phần. Nên công sức thanh toán cho ông Điều và anh Quang được xác định là 8.537.940.000 đồng/4 (03 kỷ phần thừa kế + 01 kỷ phần công sức) = 2.134.485.000 đồng. Di sản của bà Vy còn lại trị giá là 8.537.940.000đồng - 2.134.485.000 đồng = 6.403.455.000 đồng. Chia di sản thừa kế cho 03 kỷ phần; Ông Thắng; người thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng (*là bà Lượng các anh chị Minh, Hiệp và Đào Văn Sỹ*); người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân là bà Mậu và các anh chị: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh và Đào Văn Quang). Mỗi kỷ phần được 6.403.455.000 đồng/ 3 là 2.134.485.000 đồng.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Vy được hưởng chung phần di sản của bà Vy để lại trị giá là 6.403.455.000 đồng.

Ông Điều, anh Quang mỗi người được thanh toán công sức trị giá là 2.134.485.000 đồng/2= 1.067.242.500 đồng.

Ông Điều chết ngày 02/02/2015. Di sản của ông Điều để lại là 1.067.242.500 đồng (*phần công sức của ông Điều*) + 14.940.000 đồng (*giá trị tài sản trên đất được chia*) = 1.082.182.500 đồng do hàng thừa kế thứ nhất của ông Điều gồm: Bà Chuối, chị Tuế, chị Khiển và anh Quang được hưởng.

Phần của anh Quang được thanh toán công sức là 1.067.242.500 đồng (*phần công sức*) + 12.372.100 đồng (*phần mái tôn do anh Quang, chị Thúy phát triển*) = 1.079.614.600 đồng.

Ghi nhận việc bà Chuối, chị Tuế, chị Khiển và chị Thúy tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần mà họ được hưởng thừa kế bằng hiện vật nhập vào phần của anh Quang được thanh toán và giao cho anh Quang quản lý sử dụng, sở hữu nên anh Quang được hưởng tổng cộng trị giá bằng tiền là 1.082.182.500 đồng (*phần hưởng thừa kế của ông Điều*) + 1.079.614.600 đồng (*phần anh Quang được thanh toán công sức*) = 2.161.797.100 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của: Ông Thắng; những người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân (gồm: Bà Mậu và các anh chị: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh, Đào Văn Quang) và những người thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng (gồm: Bà Lương và các anh chị Minh, Hiệp, Sỹ) cùng thống nhất: Kỷ phần thừa kế bằng hiện vật mà ông Thắng, ông Vân, ông Đăng được thừa kế từ bà Vy thì nhập chung thành một khối; không phân chia riêng biệt và do ông Thắng, anh Vĩnh và anh Sỹ đại diện đứng tên đồng sử dụng, sở hữu.

Chia bằng hiện vật:

Chia cho anh Quang được quyền sử dụng 71,6m² đất (*giá trị thành tiền là 2.148.000.000 đồng*) và sở hữu tài sản gắn liền trên đất được giao là một phần gian quán, 02 cây sưa (*giá trị phần tài sản trên đất là 1.400.000đồng*). Giá trị hiện vật anh Quang được hưởng trị giá là (2.148.000.000 đồng + 1.400.000đồng) = 2.149.400.000 đồng. Đối chiếu với 2.161.797.100 đồng. Anh Quang còn thiếu (2.161.797.100 đồng - 2.149.400.000 đồng) 12.397.100 (làm tròn là) 12.379.000 đồng.

Chia cho ông Thắng; anh Vĩnh (*đại diện của những người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân*) và anh Sỹ (*đại diện của những người thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng*) được hưởng chung quyền sử dụng 212,5 m² đất (*giá trị là 6.375.000.000 đồng*) và được sở hữu chung các tài sản gắn liền trên diện tích 212,5 m² đất được chia (Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, một phần quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít trị giá 28.480.290 đồng) và tôn lợp trên sân (*trị giá 12.372.100 đồng do vợ chồng anh Quang tạo dựng*). Nhưng phải có nghĩa vụ cắt phần tôn chiếm sang khoảng không phần đất đã phân chia cho anh Quang. Tổng trị giá hiện vật được nhận chung trị giá thành tiền là [6.375.000.000 đồng (*giá trị quyền sử dụng 212,5 m² đất*) + 28.480.290 đồng (*giá trị các tài sản trên đất*) + 12.372.100 đồng (*giá trị phần mái tôn lợp trên sân*)] = 6.415.852.390 đồng. Đối chiếu với 6.403.455.000 đồng là kỷ phần thừa kế được nhận từ bà Vy thì chênh lệch 12.397.390 (làm tròn là 12.397.000) đồng. Do đó phải thanh toán trả cho anh Quang khoản chênh lệch này.

Cấp sơ thẩm không tuyên: Người được phân chia đất, tài sản gắn liền với đất có quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần đất, tài sản trên đất; Không tuyên anh Quang (người đang quản lý GCNQSDĐ số U 040528) phải có nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới, đổi hoặc đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu sót. Cấp phúc thẩm cần bổ sung nội dung này.

[3]. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Thắng; các bà Mậu, Lượng, Chuối và các chị Yên, An, Hoan là người cao tuổi, xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lượng; các anh chị Minh, Hiệp, Đào Văn Sỹ được hưởng thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng từ di sản của bà Vy trị giá thành tiền là 2.134.485.000 đồng. Nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $[72.000.000 \text{ đồng} + 2\% (2.134.485.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng})] = 74.689.700 \text{ đồng}$; mỗi người phải chịu theo tỷ phần của mình là $74.689.700 \text{ đồng} / 4 \text{ người} = 18.627.425$. Do bà Lượng được miễn án phí dân sự. Các anh chị Minh, Hiệp, Sỹ không thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự nên phải chịu chung 56.017.275 (làm tròn là 56.017.000) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ghi nhận anh Sỹ là đại diện nhận tỷ phần của ông Đăng đồng thời là người đại diện đóng toàn bộ số án phí dân sự sơ thẩm này.

- Bà Mậu và các anh chị: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh, Đào Văn Quang được hưởng thừa kế chuyển tiếp của ông Vân từ di sản của bà Vy trị giá thành tiền là 2.134.485.000 đồng. Nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch $[72.000.000 \text{ đồng} + 2\% (2.134.485.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng})] = 74.689.700 \text{ đồng}$; mỗi người phải chịu $74.689.700 \text{ đồng} / 7 \text{ người} = 10.669.975,1 \text{ đồng}$. Do bà Mậu; các chị Yên, An, Hoan được miễn án phí dân sự. Các anh chị Vinh, Vĩnh, Quang không được miễn án phí nên phải chịu chung án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.009.871,4 (làm tròn là 32.009.800) đồng. Ghi nhận anh Vĩnh là đại diện nhận tỷ phần của ông Vân đồng thời là người đại diện đóng toàn bộ số án phí dân sự sơ thẩm này.

- Bà Chuối, chị Tuất, chị Khiển và anh Nguyễn Đăng Quang được hưởng thừa kế chung di sản của ông Điều để lại trị giá 1.082.182.500 đồng. Nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $[36.000.000 \text{ đồng} + 3\% (1.082.182.500 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] = 44.465.475$ (làm tròn là 44.466.000) đồng; mỗi người phải chịu $44.466.000 \text{ đồng} / 4 \text{ người} = 11.116.500 \text{ đồng}$. Do bà Chuối được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các chị Tuất, Khiển và anh Nguyễn Đăng Quang không được miễn án phí; Nên phải chịu chung 33.349.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ghi nhận anh Nguyễn Đăng Quang là đại diện nhận toàn bộ di sản của ông Điều đồng thời là người đại diện đóng toàn bộ số án phí dân sự sơ thẩm này.

Đối với phần anh Quang được thanh toán công sức thì không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tạm ứng án phí dân sự các đương sự đã nộp được đối trừ với nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; Tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm các đương sự đã nộp được đối trừ với nghĩa vụ án phí dân sự phải nộp.

Từ những nhận định trên và xét quan điểm của Kiểm sát viên thấy: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Thời điểm cấp GCNQSDĐ số U 040528 là ngày 25/9/2002; Theo Văn bản số 1258/CV- CATO ngày 09/8/2022, Công an huyện Thanh Oai cung cấp: Sổ hộ khẩu gia đình bà Vy số 370305 lập ngày 11/9/2002 có 02 nhân khẩu là bà Vy (Vi) và ông Điều. Các đương sự đều thừa nhận: Nhà đất thửa đất số 219; ngoài bà Vy, ông Điều, anh Quang, chị Thúy thì không có ai khác đã từng ở tại đó hoặc quản lý. Mặt khác như nhận định về kháng cáo của anh Quang, chị Thúy thì những người có tên trong sổ hộ khẩu không phải đồng thời là người có quyền sử dụng, sở hữu nhà đất tại thửa đất số 219 của riêng bà Vy. Do đó lý do đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Kiểm sát viên là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 147,148; khoản 2 Điều 308; 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều: 653; 656; 658 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Các Điều: 609,610,611,612,613,616,618,623,649,650,651,658,660,688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.
- Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Đào Văn Thắng; các anh Đào Văn Vĩnh, Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp, Đào Văn Sỹ. Chấp nhận một phần kháng cáo anh Nguyễn Đăng Quang là bị đơn; chị Đỗ Thị Thúy là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 01/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai. Quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Thắng và các anh Đào Văn Vĩnh, Đào Văn Quang, Đào Công Hiệp, Đào Văn Sỹ về “*Kiện đòi chia thừa kế theo pháp luật*” đối với di sản của bà Đào Thị Vy (Vi).

1.1. Xác định bà Đào Thị Vy (Vi) chết ngày 30/09/2014 không có di chúc hợp pháp để lại. Thời điểm mở thừa kế của bà Vy là ngày bà Vy chết. Xác định bà Vy không có hàng thừa kế thứ nhất. Hàng thừa kế thứ hai của bà Đào Thị Vy (Vi) gồm;

1.1.1. Ông Đào Văn Thắng;

1.1.2. Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Đào Văn Vân gồm: Bà Nguyễn Thị Mậu; các chị Đào Thị Yên, Đào Thị An, Đào Thị Hoan, Đào Thị Vinh; anh Đào Văn Vĩnh và anh Đào Văn Quang;

1.1.3. Những người thừa kế chuyển tiếp của ông Đào Công Đăng gồm: Bà Nguyễn thị Lương, chị Đào Thị Minh, anh Đào Công Hiệp, anh Đào Văn Sỹ.

1.2. Xác định:

1.2.1. Quyền sử dụng thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 284,1m² ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) tại địa chỉ: Nhà số 63 xóm Đoàn Kết, thôn Đồng, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội; giá trị thành tiền là 8.523.000.000 đồng là di sản của riêng bà Đào Thị Vy (Vi) để lại.

1.2.2. Nhà cấp 4 xây 4 gian; Bếp xây cấp 4 một gian; Quán xây cấp 4 một gian: Bể nước + Bể lọc nước+ Giếng nước; Sân lát gạch đỏ; Tường rào xây bao 3 bề; 05 cây cau; 02 cây bưởi; 02 cây mít; 02 cây sưa tổng giá trị là 29.880.290 đồng gắn liền trên thửa đất số 219 của bà Vy là tài sản chung ông Nguyễn Đăng Điều và bà Đào Thị Vy (Vi). Chia ông Nguyễn Đăng Điều, bà Đào Thị Vy (Vi); mỗi người được chia là 14.940.000 đồng.

1.2.3. Phần mái tôn diện tích 61,4m² (*trên phần sân thửa đất số 219 của bà Vy*) trị giá 12.372.100 đồng là của vợ chồng anh Quang – chị Thúy.

1.2.4. Tài sản của bà Đào Thị Vy trị giá là 8.537.940.000 đồng (*gồm giá trị quyền sử dụng thửa đất và 1/2 tài sản trên đất*). Trích 2.134.485.000 đồng trả công sức duy trì tài sản; chăm sóc, mai táng bà Vy cho ông Nguyễn Đăng Điều và anh Nguyễn Đăng Quang (*Ông Điều, anh Quang mỗi người là 1.067.242.500 đồng*). Di sản của bà Đào Thị Vy còn lại (*Sau khi trích công sức cho ông Điều, anh Quang*) trị giá thành tiền là 6.403.455.000 đồng. Ông Thắng; người thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng (*là bà Lương các anh chị Minh, Hiệp, Sỹ*); người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân (*là bà Mậu và các anh chị: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh và Đào Văn Quang*) được hưởng thừa kế chung phần di sản của bà Đào Thị Vy (Vi) để lại trị giá thành tiền là 6.403.455.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đăng Quang về việc đề nghị xác định: Thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12, diện tích đo đạc thực tế 284,1m² ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) tại địa chỉ: Nhà số 63 xóm Đoàn Kết, thôn Đồng, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội và các tài sản gắn liền trên đất là tài sản chung của bà Đào Thị Vy và ông Nguyễn Đăng Điều.

3. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đăng Quang về việc được hưởng di sản thừa kế theo Bản di chúc đánh máy lập ngày 15/9/2014 và Bản di chúc đánh máy lập năm 2014.

4. Xác định ông Nguyễn Đăng Điều chết ngày 02/2/2015. Ông Điều có phần tài sản được thanh toán tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12 ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) trị giá 1.082.182.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Chuối; chị Nguyễn

Thị Tuế; chị Nguyễn Thị Khiển và anh Nguyễn Đăng Quang là người thừa kế phần di sản này của ông Nguyễn Đăng Điều.

5. Xác định anh Nguyễn Đăng Quang được thanh toán công sức, phần tài sản phát triển tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) trị giá 1.079.614.600 đồng (1.067.242.500 đồng *phần công sức* + 12.372.100 đồng *phần mái tôn do anh Quang chị Thúy phát triển*). Ghi nhận việc bà Chuối, chị Tuế, chị Khiển và chị Thúy tự nguyện giao toàn bộ kỹ phần mà họ được hưởng nhập vào phần của anh Quang được hưởng giao cho anh Quang được hưởng quản lý sử dụng, sở hữu. Xác định anh Nguyễn Đăng Quang được hưởng tổng cộng trị giá bằng tiền là 2.161.797.100 đồng (1.082.182.500 đồng *phần di sản của ông Điều* + 1.079.614.600 đồng *phần anh Quang được thanh toán*).

6. Phân chia tài sản bằng hiện vật:

6.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của: Ông Thắng; những người thừa kế chuyển tiếp của ông Vân (gồm: Bà Mậu và các anh chị: Yên, An, Hoan, Vinh, Vĩnh, Đào Văn Quang) và những người thừa kế chuyển tiếp của ông Đăng (gồm: Bà Lượng và các anh chị Minh, Hiệp, Sỹ) cùng thống nhất: Kỹ phần được thừa kế bằng hiện vật mà ông Thắng, ông Vân, ông Đăng được thừa kế từ bà Đào Thị Vy thì nhập chung thành một khối; không phân chia riêng biệt và do ông Thắng, anh Vĩnh và anh Sỹ đại diện đứng tên đồng sử dụng, sở hữu.

Chia (giao) cho ông Đào Văn Thắng; anh Đào Văn Vĩnh và anh Đào Văn Sỹ được hưởng chung quyền sử dụng 212,5 m² đất và được sở hữu chung các tài sản gắn liền trên diện tích 212,5 m² đất được chia (*Nhà cấp 4 xây 4 gian, Bếp xây cấp 4 một gian, một phần quán xây cấp 4 một gian, Bể nước, Bể lọc nước, Giếng nước, Sân lát gạch đỏ, Tường rào xây bao 3 bề, 05 cây cau, 02 cây bưởi, 02 cây mít trị giá 28.480.290 đồng*) và tôn lợp trên sân (*trị giá 12.372.100 đồng do vợ chồng anh Quang tạo dựng*). Tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: Nhà số 63 xóm Đoàn Kết, thôn Đông, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,9,10,11,12,1 trong sơ đồ kèm theo bản án. Cho đến khi ông Thắng và những người được thừa kế chuyển tiếp của ông Vân, ông Đăng tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện phân chia bằng vụ kiện khác.

Khi được nhận bàn giao khối tài sản này phải có nghĩa vụ cắt, tháo dỡ, di chuyển đối phần mái tôn trên sân chiếm sang khoảng không phần đất đã phân chia cho anh Nguyễn Đăng Quang.

6.2. Ghi nhận việc bà Chuối, chị Tuế, chị Khiển và chị Thúy tự nguyện giao toàn bộ kỹ phần mà họ được hưởng thừa kế, được thanh toán bằng hiện vật nhập vào phần của anh Nguyễn Đăng Quang được hưởng, được thanh toán và giao cho anh Nguyễn Đăng Quang quản lý sử dụng, sở hữu.

Chia cho anh Quang được quyền tiếp tục sử dụng 71,6m² đất và sở hữu các tài sản (*một phần gian quán, 02 cây sưa....*) gắn liền trên diện tích 71,6m² đất được chia

Tại thửa đất số 219, tờ bản đồ số 12; địa chỉ: Nhà số 63 xóm Đoàn Kết, thôn Đồng, xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9,6 trong sơ đồ kèm theo bản án.

7. Ông Đào Văn Thắng; anh Đào Văn Vĩnh và anh Đào Văn Sỹ cùng liên đới thanh toán trả anh Nguyễn Đăng Quang 12.397.000 (*Mười hai triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn*) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ phải trả tiền chưa thi hành án xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

8. Khi có yêu cầu: Anh Nguyễn Đăng Quang là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 040528 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 25/9/2002 đứng tên hộ bà Đào Thị Vy (Vi) có quyền, nghĩa vụ giao lại cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp không giao hoặc không thể giao lại được thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 178 Luật thi hành án dân sự năm 2014 và Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ.

Người được giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản tại điểm 6.1. và 6.2. khoản 6 Quyết định của bản án có quyền và nghĩa vụ chủ động đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai và đề nghị cấp Giấy quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất đối với phần đất, phần tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của mình theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

9. Về án phí:

9.1. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

9.2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

9.2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn Thắng; các bà Nguyễn Thị Mậu, Nguyễn Thị Lượng, Nguyễn Thị Chuối và các chị Đào Thị Yên, Đào Thị An, Đào Thị Hoan.

9.2.2. Buộc anh Đào Văn Sỹ phải chịu 56.017.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được trừ với 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự (*Sơ thẩm, phúc thẩm*) do anh Đào Công Hiệp đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0053783 ngày 10/5/2022; số AA/2020/0054083 ngày 15/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai và do anh Đào Văn Sỹ đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0053784 ngày 10/5/2022; số AA/2020/0054082 ngày 15/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Anh Đào Văn Sỹ còn phải nộp tiếp 54.817.000 (*Năm mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9.2.3. Buộc anh Đào Văn Vĩnh phải chịu 32.009.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được đối trừ với 1.200.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự (*Sơ thẩm, phúc thẩm*) do anh Đào Văn Quang đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0053781 ngày 10/5/2022; số AA/2020/0054084 ngày 15/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai và do anh Đào Văn Vĩnh đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0053781 ngày 10/5/2022; số AA/2020/0054085 ngày 15/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Anh Đào Văn Vĩnh còn phải nộp tiếp 30.809.800 (*Ba mươi triệu, tám trăm linh chín nghìn, tám trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9.2.4. Buộc anh Nguyễn Đăng Quang phải chịu 33.349.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do chị Đỗ Thị Thúy đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0054075 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do anh Nguyễn Đăng Quang đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số AA/2020/0054076 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai. Anh Nguyễn Đăng Quang còn phải nộp tiếp 32.749.500 (*Ba mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Thanh Oai;
- CCTHADS huyện Thanh Oai;
- Lưu HSVA/ VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên HĐXX

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng

